

Bản án số: 31/2024/HS – PT

Ngày: 10-09-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Trường.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Hùng và bà Hoàng Ngọc Liễu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hoà Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Quốc Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 09 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 46/2024/TLPT - HS ngày 23/07/2024 đối với bị cáo Vũ Quỳnh T do có kháng cáo của bị cáo Vũ Quỳnh T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn Th, ông Đinh Công C đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2024/HSST ngày 19/06/2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình.

Bị cáo có kháng cáo:

Vũ Quỳnh T, sinh ngày 22/12/1962 tại xã Nguyên Xá, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: xóm N, xã YT, huyện Y, tỉnh Hòa Bình; Nghề nghiệp: Nguyên trưởng xóm N, xã YT; Trình độ văn hóa: 10/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; là Đảng viên đảng cộng sản Việt Nam, hiện đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo quyết định số 27/QĐ-UBKTHU ngày 03/02/2021 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy Yên Thủy; Con ông Vũ Ngọc D và bà Nguyễn Thị Lê V; Có chồng là Nguyễn Văn T và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Vũ Quỳnh T tại ngoại hiện đang thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình. Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:

+ Ông **Hoàng Văn Th**, sinh năm 1960. Có mặt.

+ Ông **Đinh Công C**, sinh năm 1955. Có mặt.

Cùng trú tại: xóm N, xã YT, huyện Y, tỉnh Hòa Bình.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo:*

+ Ông **Đình Thế H**, sinh năm 1956.

Trú tại: xóm N, xã YT, huyện Y, tỉnh Hòa Bình.

+ Ông **Đình Tiến S**, sinh năm 1967

Trú tại: xóm N, xã YT, huyện Y, tỉnh Hòa Bình.

Những người tham gia tố tụng khác Tòa án không triệu tập gồm:

- Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Hòa Bình.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Đình Tiến D, sinh năm 1982

+ Bà Vũ Thị M, sinh năm 1953 (vợ ông Nguyễn Thiện T)

+ Bà Bùi Thị H, sinh năm 1971

+ Bà Đỗ Thị H1, sinh năm 1972 (vợ ông Nguyễn Văn T)

+ Ông Đình Trọng Ch, sinh năm 1957

+ Ông Đình Thế Thắng, sinh năm 1969

+ Ông Đình Xuân T, sinh năm 1974

+ Ông Đình Văn P, sinh năm 1958

+ Ông Nguyễn S N, sinh năm 1956

+ Ông Vũ Ngọc H (Vũ Minh H), sinh năm 1966

+ Bà Vũ Thị H, sinh năm 1958 (vợ ông Trần Văn D - đã chết)

+ Ông Đình Thế Ch, sinh năm 1972

+ Ông Đình Công C, sinh năm 1955

+ Ông Hoàng Văn Th, sinh năm 1960

Cùng trú tại: xóm N, xã YT, huyện Y, tỉnh Hòa Bình.

+ Ủy ban nhân dân xã YT, huyện Y, tỉnh Hòa Bình

+ Đại diện xóm N, xã YT, huyện Y, tỉnh Hòa Bình.

+ Đại diện Hợp tác xã Nông nghiệp N, xã YT.

+ Ông Đình Tiến S, sinh năm 1967

+ Bà Trần Thị Đ, sinh 1957

+ Bà Trần Thị Bích Ph, sinh năm 1972

+ Ông Quách Trọng B, sinh năm 1979

+ Chị Đinh Thị K, sinh năm 1983

+ Bà Kiều Thị Đ, sinh năm 1981

+ Ông Đinh Thế T, sinh năm 1976

Cùng trú tại: xóm N, xã YT, huyện Y, tỉnh Hòa Bình.

- Người làm chứng: Ông Bùi Văn T, sinh năm 1986.

ĐKHKT: xóm T, xã YT, huyện Y, tỉnh Hòa Bình

Chỗ ở hiện tại: xóm L, xã YT, huyện Y, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ tháng 4/2013 đến tháng 10/2019 bị cáo Vũ Quỳnh T giữ chức vụ Trưởng xóm N; Vào năm 2016 thành lập Hợp tác xã Nông nghiệp N thì bị cáo T được bầu giữ thêm chức vụ Giám đốc Hợp tác xã. Trong quá trình bị cáo T giữ chức vụ Trưởng xóm N, từ năm 2014 đến năm 2018, Nhà nước có nhiều chủ trương hỗ trợ cho người dân do bị hạn hán, thiên tai, chuyển đổi cây trồng...Tuy nhiên, lợi dụng chức vụ được giao bị cáo T đã tự ý kê khống các hộ dân bị thiệt hại do hạn hán thiên tai, chuyển đổi cây trồng nhằm rút tiền hỗ trợ của Nhà nước. Cụ thể như sau:

- Năm 2014 Nhà nước có chủ trương hỗ trợ cho các hộ dân bị thiệt hại cây trồng do thiên tai lốc xoáy, bị cáo T đã tự ý lập danh sách 13 hộ dân xóm N bị thiệt hại cây trồng gửi về Ủy ban nhân dân (UBND) xã YT. Đến tháng 12/2015 Nhà nước có kinh phí hỗ trợ cho 13 hộ dân trên với tổng số tiền là 4.107.000 đồng. Sau khi nhận tiền, bị cáo T đã không tiến hành chi trả cho 13 hộ dân mà đã nhập vào quỹ chung của xóm để mua bát đĩa, đồ dùng cho nhà văn hóa xóm, việc nhập quỹ thì có ông Đinh Thế H là thủ quỹ xóm biết, bị cáo T không nói rõ về nguồn gốc số tiền, không thông báo cho ban quản lý biết, nhưng hàng năm xóm có tiến hành công khai tài Chnh cho toàn thể nhân dân trong xóm biết.

- Vào tháng 5/2015 Nhà nước có chủ trương hỗ trợ người dân bị thiệt hại cây trồng do thiên tai hạn hán vụ Đông Xuân năm 2015, sau khi được UBND xã YT thông báo về chủ trương trên, bị cáo T đã báo miệng với ông Đinh Tiến S là Bí thư chi bộ xóm biết, sau đó thông báo trên hệ thống loa cho các hộ dân bị thiệt hại đến nhà văn hóa xóm để kê khai, bị cáo T là người trực tiếp tiếp nhận kê khai từ người dân và tổng hợp danh sách để gửi lên UBND xã YT. Sau đó đã có 127 hộ dân trong xóm đến nhà văn hóa kê khai thiệt hại, ngoài ra bị cáo T đã tự ý kê khống thêm 19 hộ dân và lập danh sách xóm N có 146 hộ dân bị thiệt hại do thiên

tai hạn hán vụ Đông Xuân năm 2015, gửi danh sách đến UBND xã YT. Căn cứ vào danh sách 146 hộ dân bị thiệt hại do thiên tai hạn hán vụ Đông Xuân năm 2015 của xóm N, Nhà nước đã hỗ trợ chi trả:

Đợt I với tổng số tiền là 113.007.000 đồng, sau khi nhận tiền thì bị cáo T đã tiến hành chi trả tiền cho 127 hộ dân bị thiệt hại, còn lại 19 hộ dân do bị cáo T kê không trong danh sách với tổng số tiền là 5.962.000đ, thì có 05 hộ biết mình có tên nên đến yêu cầu được nhận tiền với tổng số tiền nhận là 1.462.000 đồng (gồm các hộ Đinh Thị Kh nhận số tiền 294.000 đồng; hộ Đinh Thị C nhận số tiền 158.000 đồng, số tiền trên đã được làm rõ là do Đinh Thế T nhận và sử dụng; hộ Quách Trọng B nhận số tiền 263.000 đồng, số tiền trên đã được làm rõ là do Kiều Thị Đ nhận và sử dụng; hộ Trần Thị B P nhận số tiền 176.000 đồng, tuy nhiên khi làm việc với Cơ quan điều tra ban đầu P phủ nhận nội dung trên, kết quả giám định chữ ký không đủ cơ sở xác định có phải chữ ký của P không, sau khi điều tra bổ sung P khai được nghe chồng (T) nói là đã nhận số tiền hỗ trợ nêu trên; hộ Vũ Văn N nhận số tiền 571.000 đồng, tuy nhiên khi làm việc với Cơ quan điều tra N phủ nhận nội dung trên, kết quả giám định chữ ký không đủ cơ sở xác định có phải chữ ký của N không). Số tiền còn lại là 4.500.000 đồng, bị cáo T khai đã đưa cho ông S 2.000.000 đồng và còn lại 2.500.000 đồng bị cáo T đã chi tiêu cho các công việc chung của xóm.

Đến tháng 12/2017 Nhà nước tiếp tục hỗ trợ **Đợt II** cho 146 hộ dân bị thiệt hại do thiên tai hạn hán vụ Đông Xuân năm 2015 của xóm N với tổng số tiền là 51.744.000 đồng, sau khi nhận tiền thì bị cáo T đã tiến hành chi trả tiền cho 127 hộ dân bị thiệt hại, còn lại 19 hộ dân do bị cáo T kê không trong danh sách với tổng số tiền là 2.728.000 đồng thì có 05 hộ biết mình có tên nên đến yêu cầu được nhận tiền với tổng số tiền nhận là 668.000 đồng (bị cáo khai hộ Đinh Thị Kh nhận số tiền 135.000 đồng; hộ Đinh Thị C nhận số tiền 72.000 đồng, số tiền trên đã được làm rõ là do Đinh Thế T nhận và sử dụng; hộ Quách Trọng B nhận số tiền 120.000 đồng, số tiền trên đã được làm rõ là do Kiều Thị Đào nhận và sử dụng; hộ Trần Thị Bích P nhận số tiền 80.000 đồng, tuy nhiên khi làm việc với Cơ quan điều tra P phủ nhận nội dung trên, kết quả giám định chữ ký không phải của P, sau khi điều tra bổ sung P khai có được nghe chồng (T) nói đã nhận số tiền trên; hộ Vũ Văn N nhận số tiền 261.000 đồng, số tiền trên đã được làm rõ là do Trần Thị Đ là vợ của Vũ Văn N nhận và sử dụng). Số tiền còn lại là 2.060.000 đồng, bị cáo T khai đưa cho ông S 1.500.000 đồng và còn lại 560.000 đồng bị cáo đã chi tiêu cho các công việc chung của xóm.

Đến tháng 11/2018 Nhà nước tiếp tục hỗ trợ **Đợt III** cho 146 hộ dân bị thiệt hại do thiên tai hạn hán vụ Đông Xuân năm 2015 của xóm N với tổng số tiền là 41.189.800 đồng, sau khi nhận tiền thì T đã thông báo cho các hộ dân đến Nhà văn hóa xóm họp và thống nhất toàn bộ số tiền trên sẽ chuyển vào quỹ làm đường

bê tông của xóm, trong đó có cả số tiền của 19 hộ dân do bị cáo T kê không là 2.172.200 đồng. Như vậy tổng số tiền bị cáo T rút được từ ngân sách Nhà nước do kê không 19 hộ dân cả 03 đợt là 10.862.200 đồng, trong đó bị cáo T đã chi trả cho 05 hộ dân (do các hộ này biết có tên nên đến yêu cầu được nhận) với tổng số tiền là 2.130.000 đồng, số tiền còn lại là 8.732.200 đồng bị cáo T khai đã đưa cho ông S 3.500.000 đồng và còn lại 5.232.200 đồng bị cáo T đã chi cho các công việc chung của xóm như đổ xăng xe, mua nước uống, phô tô giấy tờ và sinh hoạt trong quá trình đi khảo sát, kê khai thiệt hại cho các hộ dân. Đối với số tiền 2.172.000 đồng (tiền hỗ trợ đợt III) bị cáo T đã nhập vào quỹ làm đường bê tông của xóm, đã được đưa ra họp xóm.

Đối với danh sách 146 hộ dân xóm N được nhận hỗ trợ của Nhà nước, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh và làm việc, kết quả như sau:

+ Trong 146 hộ dân nhận hỗ trợ đợt 1 có 19 hộ dân do bị cáo kê không; 05 hộ dân không có hộ khẩu ở xóm nhưng có tên (*bị cáo khai những hộ này hộ khẩu ở nơi khác nhưng thuê đất của xóm để sản xuất*); 13 người đứng tên trong danh sách hiện nay đã chết hoặc đi làm ăn xa nên không xác minh được; 01 hộ có tên hai lần trong danh sách nhưng không nhớ được nhận cả hay không; 65 hộ dân khai được nhận hỗ trợ; 32 hộ không nhớ được nhận hỗ trợ hay không; 04 hộ khai được nhận nhưng không nhớ đợt nào; 07 hộ khai không được nhận.

+ Trong 146 hộ dân nhận hỗ trợ đợt 2 có 19 hộ dân do bị cáo kê không; 05 hộ dân không có hộ khẩu ở xóm nhưng có tên (*bị cáo khai những hộ này hộ khẩu ở nơi khác nhưng thuê đất của xóm sản xuất*); 13 người đứng tên trong danh sách hiện nay đã chết hoặc đi làm ăn xa nên không xác minh được; 01 hộ có tên hai lần trong danh sách nhưng không nhớ được nhận cả hay không; 70 hộ dân khai được nhận hỗ trợ; 27 hộ dân không nhớ có được nhận hay không; 05 hộ dân khai được nhận nhưng không nhớ đợt nào; 06 hộ khai không được nhận.

+ Trong 146 hộ dân nhận hỗ trợ đợt 3 thì có 19 hộ dân do bị cáo kê không; 05 hộ dân không có hộ khẩu ở xóm nhưng có tên (*bị cáo khai những hộ này hộ khẩu ở nơi khác nhưng thuê đất của xóm sản xuất*); 13 người đứng tên trong danh sách hiện nay đã chết hoặc đi làm ăn xa nên không xác minh được; 01 hộ có tên hai lần trong danh sách nhưng không nhớ được nhận cả hay không; 95 hộ dân khai được nhận hỗ trợ; 05 hộ dân không nhớ có được nhận hay không; 03 hộ dân khai được nhận nhưng không nhớ đợt nào; 05 hộ khai không được nhận.

- Vào tháng 8/2015 Nhà nước có chủ trương hỗ trợ người dân bị thiệt hại cây trồng do thiên tai hạn hán vụ Mùa năm 2015, sau khi được UBND xã YT thông báo về chủ trương trên, bị cáo T đã thông báo trên hệ thống loa cho các hộ dân bị thiệt hại đến nhà văn hóa xóm kê khai, tuy nhiên do vụ Mùa năm 2015 ở xóm N không có ai bị thiệt hại nên người dân không đến kê khai. Lúc này, bị cáo T đã tự

ý lập không danh sách 56 hộ dân xóm N bị thiệt hại nộp về UBND xã YT với mục đích rút tiền của Nhà nước sử dụng cho các công việc chung của xóm. Căn cứ vào danh sách 56 hộ dân bị thiệt hại do thiên tai hạn hán vụ Mùa năm 2015 của xóm N, Nhà nước đã hỗ trợ chi trả đợt I với tổng số tiền là 14.064.000 đồng; đợt II với tổng số tiền là 6.693.000 đồng và đợt III với tổng số tiền là 4.868.000 đồng. Như vậy tổng số tiền bị cáo T rút được từ ngân sách Nhà nước do kê không 56 hộ dân cả 03 đợt là 25.625.000 đồng, trong đó số tiền đợt I và đợt II là 20.757.000 đồng bị cáo khai đã nhập vào quỹ của Hợp tác xã Nông Nghiệp N và sử dụng tự mua phân bón cho dự án Cà gai leo của Hợp tác xã hết, việc nhập quỹ hợp tác xã có ông Đinh Thế H là thủ quỹ biết, có ghi sổ quỹ của ông H, bị cáo T có nói là tiền hỗ trợ của người dân nhưng không nói là do bị cáo T kê không; số tiền đợt III là 4.868.000 đồng, bị cáo khai nhập vào quỹ làm đường bê tông cùng với số tiền hỗ trợ đợt III vụ Đông Xuân năm 2015 của xóm. Đối với danh sách 56 hộ dân xóm N, Cơ quan điều tra đã làm việc thì tất cả đều khẳng định không được kê khai và không được nhận tiền hỗ trợ.

- Tháng 4/2015 Nhà nước có chủ trương hỗ trợ các hộ gia đình sản xuất lúa, xóm N có danh sách 115 hộ dân được hỗ trợ với tổng số tiền là 1.702.000 đồng, đến tháng 8/2015 Nhà nước tiếp tục hỗ trợ bổ xung cho 115 hộ dân trên với tổng số tiền là 3.403.000 đồng, bị cáo T khai được UBND xã YT gọi lên để nhận tiền và ký vào danh sách. Danh sách các hộ dân nhận hỗ trợ bị cáo T khai không phải do mình lập, chữ ký tại danh sách cũng không phải của bị cáo, sau khi nhận tiền về bị cáo T đã nhập vào quỹ của xóm để chi tiêu chung (mua bát đĩa, bàn ghế). Bị cáo T khai việc nhập tiền vào quỹ xóm đã được đưa ra họp với các hộ dân, các hộ nhất trí, do các hộ dân không nhận tiền về mà nhập vào quỹ xóm nên các hộ không ký vào danh sách nhận tiền, chữ ký trong danh sách là nhờ nhiều người ký và có một số do bị cáo T tự ký để nộp về UBND xã YT. Cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc với Nguyễn Thành Pg - Cán bộ Văn phòng thống kê của UBND xã YT, là người được giao nhiệm vụ tổng hợp danh sách trong thời điểm trên, quá trình làm việc Pg cho biết danh sách do các xóm gửi lên là bản viết tay, sau khi nhận thì Pg đánh máy lại và gửi cho UBND huyện, tuy nhiên hiện nay bản viết tay do xóm lập gửi lên thì UBND xã YT không còn lưu trữ. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, làm việc với 115 hộ dân có tên trong danh sách, các hộ không nhớ có được kê khai hay không, nhưng có được họp thống nhất chuyển tiền nhập vào quỹ xóm để chi tiêu chung (mua bát đĩa, bàn ghế).

- Năm 2017 Nhà nước có chủ trương hỗ trợ người dân chuyển đổi đất từ trồng lúa sang đất trồng ngô vụ Mùa - Hè Thu năm 2016 trên địa bàn xã YT, sau khi được UBND xã YT thông báo về chủ trương trên, bị cáo T đã thông báo trên hệ thống loa cho các hộ dân có diện tích đất chuyển đổi đến nhà văn hóa xóm kê khai, có 93 hộ dân trong xóm đã đến Nhà văn hóa xóm để kê khai, khi lập danh

sách bị cáo T đã gửi lên UBND xã YT. Căn cứ vào danh sách các hộ dân có diện tích đất chuyển đổi, Nhà nước tiến hành hỗ trợ xóm với tổng số tiền 37.680.000 đồng, bị cáo T khai số tiền trên đã phát đầy đủ cho người dân. Tuy nhiên quá trình làm việc với Cơ quan điều tra, gần như tất cả các hộ dân có tên trong danh sách đều không nhớ mình đã được nhận tiền hay chưa, nhận bằng tiền hay bằng hạt giống, chỉ có một số hộ khẳng định đã được nhận hỗ trợ.

Đối với danh sách 93 hộ dân được Nhà nước hỗ trợ, Cơ quan điều tra đã làm việc, kết quả như sau: có 06 người có tên trong danh sách đã chết hoặc không có mặt tại địa phương; 01 người có tên hai lần trong danh sách; 59 hộ dân không nhớ được nhận hỗ trợ hay không; 06 hộ dân khai được nhận nhưng không nhớ vụ nào; 13 hộ dân khai đã nhận hỗ trợ, 08 hộ khai không được nhận hỗ trợ.

- Năm 2018 Nhà nước có chủ trương hỗ trợ người dân chuyển đổi đất từ trồng lúa sang đất trồng ngô vụ Hè Thu năm 2018 xã YT, sau khi được UBND xã YT thông báo về chủ trương trên, bị cáo T đã tự ý lập danh sách không 17 hộ dân xóm N có diện tích cần chuyển đổi, với mục đích rút tiền của Nhà nước sử dụng cho dự án vườn ươm cà gai leo của Hợp tác xã Nông nghiệp N. Căn cứ vào danh sách 17 hộ dân xóm N có diện tích cần chuyển đổi bị cáo T lập không, Nhà nước đã hỗ trợ chi trả với tổng số tiền là 22.800.000 đồng. Toàn bộ số tiền trên bị cáo T khai đã nhập vào quỹ của Hợp tác xã Nông nghiệp N và sử dụng cho dự án vườn ươm cà gai leo của Hợp tác xã. Việc bị cáo T nhập quỹ số tiền trên vào quỹ Hợp tác xã chỉ có ông Đinh Thế H, là thủ quỹ của Hợp tác xã biết, khi nhập quỹ bị cáo T nói là tiền hỗ trợ của người dân nhưng không nói là do bị cáo kê không danh sách. Cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc với các hộ dân có tên trong danh sách, kết quả: các hộ đều cho biết không được kê khai và không được nhận hỗ trợ.

Đối với ông Đinh Tiến S là Bí thư chi bộ xóm N, bị cáo T khai việc kê không thêm 19 hộ dân bị thiệt hại vào danh sách được nhận hỗ trợ của nhà nước đợt thiên tai hạn hán vụ Đông Xuân năm 2015 là do ông S chỉ đạo, sau khi nhận được tiền hỗ trợ đã đưa ông S 02 lần với tổng số tiền 3.500.000 đồng. Qua điều tra không có căn cứ chứng minh lời khai của bị cáo T nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với ông S.

Đối với ông Đinh Thế H là thủ quỹ của xóm, bị cáo T khai 02 lần đưa tiền cho ông H nhập quỹ xóm để chi tiêu có nói nguồn gốc số tiền đó là do bị cáo kê không. Quá trình điều tra bổ sung, điều tra lại xác định ông H không có hành vi giúp sức cho bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội, ông H không biết việc bị cáo lập không, ký không, lập không đúng đối tượng, không biết được nguồn tiền T đưa. Do vậy, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với ông H.

Đối với các đợt hỗ trợ chi trả cho các hộ gia đình, quá trình điều tra thể hiện: Có người có tên trong danh sách nhưng nay đã chết hoặc không có mặt tại địa phương, người trùng tên hai lần, người bị sai tên đệm, người khai không biết

có được nhận hay không, hoặc nhận nhưng không nhớ đợt nào do nhiều đợt hỗ trợ, đã lâu; hộ khai không được nhận nhưng bị cáo đã khẳng định đã phát tiền, qua điều tra áp dụng các biện pháp điều tra theo quy định của pháp luật, nay chưa làm rõ được, cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ xử lý sau.

Vật chứng thu giữ của vụ án:

Trong quá trình điều tra vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ 07 (bảy) quyển sổ ghi chép thu chi tài chính của xóm N từ năm 2015 đến năm 2019 (do ông Đinh Thế H thủ quỹ xóm N giao nộp trong quá trình điều tra vụ án), tạm giữ 02 quyển sổ Nghị quyết, tạm giữ 01 quyển sổ ghi chép thu chi cá nhân (bị cáo T giao nộp), các sổ sách trên quá trình điều tra thì đã được niêm phong và quản lý trên hồ sơ vụ án, sau khi điều tra bổ sung thì các sổ sách nêu trên đã được mở niêm phong và đánh số bút lục lưu cùng hồ sơ vụ án.

Trong quá trình điều tra vụ án, bị cáo Vũ Quỳnh T giao nộp 63.395.000 đồng để khắc phục thiệt hại do hành vi phạm tội của mình gây ra, trong đó số tiền 52.247.000 đồng (Khắc phục lần 1) đã được niêm phong gửi quản lý tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Hòa Bình và số tiền 11.148.000 đồng (Khắc phục lần 2) đã được niêm phong gửi quản lý tại Kho bạc Nhà nước huyện Yên Thủy hiện do Chi cục thi hành án dân sự quản lý.

Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2024/HSST ngày 19/06/2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình đã xét xử quyết định:

Tuyên bố bị cáo Vũ Quỳnh T phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 356 Bộ luật hình sự; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, điều 54 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Vũ Quỳnh T 03 (ba) năm tù. Thời hạn hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; tuyên:

Truy thu trả cho Ngân sách nhà nước số tiền hưởng lợi không có căn cứ pháp luật đối với các hộ: 05 (năm) hộ dân gồm: Hộ bà Đinh Thị Kh số tiền 429.000đ (bốn trăm hai mươi chín nghìn đồng); hộ bà Đinh Thị C số tiền 230.000đ (hai trăm ba mươi nghìn đồng), (ông Đinh Thế T, em chồng bà C phải trả thay cho bà C); hộ ông Quách Trọng B số tiền 383.000đ (ba trăm tám mươi ba nghìn đồng), (bà Kiều Thị Đ là chị dâu của ông B phải trả thay cho hộ ông Bằng); hộ bà Trần Thị Bích P số tiền 256.000đ (hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng); hộ ông Vũ Văn N số tiền 832.000đ (tám trăm ba mươi hai nghìn đồng) để

trả cho Ngân sách nhà nước. Tổng các khoản tiền truy thu của 05 hộ dân nói trên là 2.130.000đ.

Xử lý vật chứng: Căn cứ điều 47 Bộ luật hình sự và 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu 07 (bảy) quyển sổ ghi chép thu chi tài chính của xóm N từ năm 2015 đến năm 2019; 02 quyển sổ Nghị quyết; 01 quyển sổ ghi chép thu chích nhân của bị cáo T, để lưu trữ tại hồ sơ vụ án.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 61.264.200đ (sáu mươi một triệu, hai trăm sáu mươi tư nghìn, hai trăm đồng) tiền trong tổng số tiền 63.394.200đ bị cáo gây thiệt hại, bị cáo Vũ Quỳnh T đã tự nguyện nộp 63.395.000đ hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình quản lý tại tài khoản tạm gửi.

Trả lại cho Vũ Quỳnh T số tiền 2.130.800đ (hai triệu một trăm ba mươi nghìn đồng) tiền đã chi trả cho 05 (năm) hộ dân, từ số tiền bị cáo đã khắc phục hậu quả nộp vào Kho bạc Nhà nước huyện Yên Thủy là 63.395.000đ.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 03/07/2024 bị cáo Vũ Quỳnh T có đơn kháng cáo xin giảm án và xin hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin rút phần kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 30/06/2024 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Văn Th, ông Đinh Công C có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, không căn cứ vào sự thật khách quan của vụ án để giải quyết, tuyên án quá nhẹ với hành vi vi phạm của bị cáo. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm đánh giá toàn diện, khách quan về chứng cứ cũng như tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, để quyết định hình phạt đối với bị cáo đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Vũ Quỳnh T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được giảm án, vì bị cáo tuổi đã cao, sức khỏe yếu, thường xuyên bị ốm đau bệnh tật, các tình tiết giảm nhẹ bị cáo đã nộp tại Tòa án cấp sơ thẩm và trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo có nộp đơn đề nghị có chữ ký của nhiều hộ dân của xóm N xin giảm nhẹ và xin cho bị cáo hưởng án treo. Bị cáo tự nguyện bồi thường số tiền 2.130.000 đồng cho 05 hộ dân đã nhận tiền hỗ trợ không đúng.

Tại phiên tòa ông Hoàng Văn Th và ông Đinh Công C giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị tăng nặng hình phạt đối với bị cáo và nộp đơn đề nghị có chữ ký của nhiều hộ dân xóm N đề nghị: Không áp dụng hình phạt là án treo, cải tạo

không giam giữ, không giảm hình phạt và đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo T.

Đại diện VKSND tỉnh Hoà Bình tham gia phiên tòa nêu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định về pháp luật tố tụng hình sự.

- Về nội dung kháng cáo xin giảm án của bị cáo: Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xử phạt bị cáo Vũ Quỳnh T 03 năm tù là đúng quy định, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo này của bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo rút phần kháng cáo xin hưởng án treo, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với kháng cáo này của bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo tự nguyện trả số tiền cho 05 hộ dân đã nhận không đúng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo bồi thường thay.

- Về nội dung kháng cáo người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Th, ông C về việc đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo T: Căn cứ Điều 331 Bộ luật tố tụng hình sự, với tư cách là Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án thì ông Th, ông C chỉ được quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của ông Th, ông C, Vì vậy đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết kháng cáo của ông Th và ông C về việc đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo T.

- Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356, 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bác kháng cáo xin giảm án của bị cáo Vũ Quỳnh T; Bác kháng cáo của ông Hoàng Văn Th và ông Đinh Công C; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 19/2024/HSST ngày 19/06/2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình về tội danh, hình phạt; sửa phần trách nhiệm dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án này các cơ quan và người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Vũ Quỳnh T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Văn Th, ông Đinh Công C có đơn kháng cáo hợp lệ trong thời hạn luật định nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Tại các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết luận điều tra cũng như lời khai của bị cáo tại phiên tòa phiên tòa phúc thẩm đều thể hiện:

Thời gian từ năm 2014 đến năm 2019, bị cáo Vũ Quỳnh T giữ chức vụ trưởng xóm N, xã YT, huyện Y đến năm 2016 bị cáo kiêm chức vụ Giám đốc Hợp tác xã Nông nghiệp N. Trong quá trình này khi trên địa bàn xóm N, xã YT xảy ra thiên tai, hạn hán Nhà nước đã có các chủ trương, chính sách hỗ trợ người dân bị thiên tai, hạn hán. Lợi dụng vào chính sách này của Nhà nước, bị cáo trong quá trình thực hiện chức vụ quyền hạn, nhiệm vụ được giao của mình đã 04 (bốn) lần lập khống, ký khống, lập không đúng đối tượng, không theo đúng quy trình, đối tượng danh sách người dân bị thiệt hại trong xóm để chiếm đoạt sử dụng sai mục đích tiền hỗ trợ của Nhà nước cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Năm 2014 bị cáo đã không danh sách 13 hộ dân bị thiệt hại cây trồng do lốc xoáy năm 2014 gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền 4.107.000đ.

Lần thứ hai: Năm 2015 bị cáo lập khống 19 hộ dân trong danh sách 146 hộ dân để được nhận hỗ trợ thiệt hại cây trồng do thiên tai hạn hán vụ đông xuân năm 2015 (03 đợt) gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền 10.862.200đ

Lần thứ ba: Năm 2015 bị cáo lập khống 56 hộ dân bị thiệt hại cây trồng do thiên tai hạn hán vụ mùa năm 2015 gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền 25.625.000đ.

Lần thứ tư: Năm 2018 bị cáo lập khống danh sách 17 hộ dân để nhận hỗ trợ chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng ngô năm 2018, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền 22.800.000đ.

Tổng số tiền 04 lần bị cáo Vũ Quỳnh T gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số là 63.394.200đ.

Tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người tham gia tố tụng khác và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ điểm b khoản 2 Điều 356 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vũ Quỳnh T về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Vũ Quỳnh T:

[3.1] Về việc xin giảm án:

Khoản 2 Điều 356 của Bộ luật Hình sự có mức hình phạt là “ *Phạt tù từ 05 năm đến 10 năm*”. Bị cáo Vũ Quỳnh T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có 3 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, v, s khoản 1 Điều 51 Bộ

luật hình sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự “*Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã nộp tiền để khắc phục toàn bộ số tiền gây thiệt hại cho Nhà nước là 63.394.200 đồng, bị cáo có nhiều thành tích trong công tác, sản xuất trong đó năm 2017 được Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam tặng Bằng khen, năm 2018 được Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Hòa Bình tặng Bằng khen, năm 2009 được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình tặng Bằng khen và nhiều giấy khen của cấp huyện, cấp xã; có bố mẹ đẻ là ông Vũ Ngọc D là người có công với cách mạng được tặng Huy chương chiến sỹ giải phóng, Huân chương chiến thắng hạng nhất, Huân chương chiến S vẻ vang hạng nhất, Huân chương kháng chiến hạng nhì, mẹ bị cáo là bà Nguyễn Thị Lê V được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì và chồng là Nguyễn Văn T được chủ tịch nước tặng Huy chương vì an ninh tổ quốc; bị cáo là người cao tuổi theo quy định tại luật người cao tuổi hiện đang phải điều trị nhiều bệnh, sức khỏe yếu*”. Vì vậy khi quyết định hình phạt đối với bị cáo T cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo trong khung hình phạt liên kề nhẹ hơn của điều luật. Căn cứ vào tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo thì mức hình phạt 03 năm tù mà bản án sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo Vũ Quỳnh T là tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp đơn đề nghị xin giảm nhẹ và cho hưởng án treo của những người dân xóm N. Tuy nhiên tình tiết này không thể làm căn cứ để giảm nhẹ hơn nữa hình phạt đối với bị cáo. Nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Quỳnh T về việc xin giảm án.

[3.2] Về việc xin hưởng án treo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo rút phần kháng cáo xin hưởng án treo. Xét việc rút một phần kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo là tự nguyện, đúng quy định của pháp luật nên căn cứ khoản 3 Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Vũ Quỳnh T.

[4] Xét kháng cáo của Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Th, ông C về việc đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo T:

Tại khoản 4 Điều 331 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định: “*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người đại diện của họ có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ*”. Theo quy định trên thì ông Th, ông C với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án thì chỉ được quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của ông Th, ông C. Vì vậy kháng cáo của ông Th, ông C về việc đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo T không được HĐXX xem xét giải quyết.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đồng ý bồi thường thay cho 05 hộ gia đình đã nhận tiền hỗ trợ không đúng là 2.130.000 đồng. Xét việc bồi thường thay là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và sửa án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự.

Trong vụ án này, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về việc tuyên quyền kháng cáo đối với người bào chữa, bởi lẽ bị cáo Vũ Quỳnh T là người trên 18 tuổi và có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên cấp sơ thẩm tuyên quyền kháng cáo đối với người bào chữa là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 331 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[6] Từ những phân tích và nhận định trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm án của bị cáo Vũ Quỳnh T và kháng cáo tăng hình phạt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng Văn Th, ông Đinh Công C; sửa bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Do bản án sơ thẩm bị sửa nên bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 357; Khoản 2 Điều 135; Điều 342; Điều 343 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Vũ Quỳnh T.

[2] Không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Vũ Quỳnh T và kháng cáo tăng hình phạt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng Văn Th, ông Đinh Công C.

[3] Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2024/HSST ngày 19/06/2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình về hình phạt; sửa phần trách nhiệm dân sự. Cụ thể:

[3.1] Tuyên bố bị cáo Vũ Quỳnh T phạm tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 54 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Vũ Quỳnh T 03 (ba) năm tù. Thời hạn hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

[3.2] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584 Bộ luật Dân sự

Buộc bị cáo Vũ Quỳnh T bồi thường số tiền 63.394.200 đồng để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận bị cáo đã bồi thường đầy đủ số tiền trên theo Biên lai thu tiền số 0000599 ngày 04/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thủy; trả lại số tiền bồi thường thừa 800 đồng cho bị cáo.

[4] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2024/HSST ngày 19/06/2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bị cáo Vũ Quỳnh T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng Văn Th, ông Đinh Công C, không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Bản án phúc phẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 10/09/2024.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Yên Thủy;
- TAND huyện Yên Thủy.
- Chi cục THADS huyện Yên Thủy;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Trường